

CÔNG TY CP ĐẦU TƯ HẢI PHÁT
Số 58 /TTr-HĐQT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 15 tháng 06 năm 2020

TỜ TRÌNH
Về việc thông qua báo cáo quyết toán tài chính hợp nhất và riêng Công ty mẹ năm 2019 đã được kiểm toán

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty.

Căn cứ:

- Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc Hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2014;
- Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty Cổ phần Đầu tư Hải Phát;
- Nghị quyết Hội đồng quản trị số 18/QĐ-HĐQT ngày 15/05/2020 về việc thông qua một số nội dung trình Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020;

Báo cáo quyết toán tài chính hợp nhất và riêng Công ty mẹ năm 2019 của Công ty được kiểm toán bởi Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam theo Nghị quyết số 02/NQ-ĐHĐCĐ.2019 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 ngày 29/03/2019.

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua báo cáo quyết toán tài chính hợp nhất và riêng Công ty mẹ năm 2019 đã được Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam kiểm toán.

Một số chỉ tiêu cơ bản trong báo cáo quyết toán tài chính năm 2019 đã được kiểm toán, cụ thể như sau:

1. Bảng cân đối kế toán (đã được kiểm toán):

CHỈ TIÊU	Tại ngày 31/12/2019 (tỷ đồng)	
	Số liệu riêng Công ty mẹ	Số liệu Hợp nhất
TÀI SẢN		
A- TÀI SẢN NGẮN HẠN	2.677	4.004
1. Tiền và các khoản tương đương tiền	355	403

CHỈ TIÊU	Tại ngày 31/12/2019 (tỷ đồng)	
	Số liệu riêng Công ty mẹ	Số liệu Hợp nhất
2. Đầu tư tài chính ngắn hạn	199	199
3. Các khoản phải thu ngắn hạn	830	1.133
4. Hàng tồn kho	1.272	2.160
5. Tài sản ngắn hạn khác	21	108
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	4.362	2.826
1. Các khoản phải thu dài hạn	89	770
2. Tài sản cố định	6	123
3. Bất động sản đầu tư	438	841
4. Tài sản dở dang dài hạn	7	59
5. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	3.323	519
6. Tài sản dài hạn khác	499	514
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	7.039	6.830
NGUỒN VỐN		
A. NỢ PHẢI TRẢ	4.199	3.837
I. Nợ ngắn hạn	2.665	2.299
II. Nợ dài hạn	1.534	1.538
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	2.840	2.993
1. Vốn đầu tư sở chủ sở hữu	2.000	2.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	61	61
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	779	894
4. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	-	38
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	7.039	6.830

2. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh (đã được kiểm toán):

TT	CHỈ TIÊU	Năm 2019 (tỷ đồng)	
		Số liệu riêng Công ty mẹ	Số liệu Hợp nhất
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	3.522	3.432
2	Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-
3	Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	3.522	3.432
4	Giá vốn hàng bán	3.149	2.921
5	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	373	511
6	Doanh thu hoạt động tài chính	411	476
7	Chi phí tài chính	131	131
-	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	<i>114</i>	<i>114</i>
8	Phần lãi (lỗ) trong Công ty liên kết, liên danh	-	1
9	Chi phí bán hàng	94	85
10	Chi phí quản lý doanh nghiệp	108	145
11	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	451	628
12	Thu nhập khác	2	8
13	Chi phí khác	3	4
14	Lợi nhuận khác	(1)	4
15	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	450	632,5
16	Chi phí thuế TNDN hiện hành	144	185
17	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	-	(5,5)
18	Lợi nhuận sau thuế TNDN	306	453
	Lợi nhuận sau thuế của Cổ đông Công ty Mẹ		447
	Lợi nhuận sau thuế của Cổ đông không kiểm soát		6
19	Lãi cơ bản trên cổ phiếu		2.199

(Kèm theo tờ trình này là trích dẫn nội dung cơ bản trong báo cáo tài chính Công ty năm 2019 của Công ty mẹ và hợp nhất đã được kiểm toán).

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua.

Trân trọng cảm ơn./.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Lưu VT, VP.HĐQT

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

(Đã ký)

Đỗ Quý Hải

Ghi chú: Tài liệu này có thể được sửa đổi, bổ sung cho phù hợp và trình ĐHĐCĐ xem xét, biểu quyết thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.